

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày: 30-6-2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân

2. Ông Hà Văn Dương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/6/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 5, Khu 1, thị trấn T1, huyện T2, Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị D, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 3, Khu 8, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại “Đơn khởi kiện” ghi ngày 10/12/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 6/2019 chị D có cho chị T xem Hợp đồng tín dụng giữa chị D và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện T2, trong đó số tiền gốc đến hạn thanh toán cho Ngân hàng là 300.000.000 đồng. Sau đó chị D có vay của chị T số tiền 350.000.000 đồng và thỏa thuận khi nào Ngân hàng giải ngân sẽ trả cho chị T số tiền còn nợ. Sau khi Ngân hàng giải ngân thì chị D đã thanh toán cho chị T số tiền 300.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 50.000.000 đồng, chị D cam kết sẽ trả số tiền này trong thời hạn 01 tháng, chị D đã lập giấy biên nhận “*giấy vay tiền đáo hạn ngân hàng*” đề ngày 18/6/2019, chị D đã ký và ghi rõ họ tên vào mục bên vay. Từ ngày 18/7/2019 đến nay chị T đã yêu cầu nhiều lần nhưng chị D vẫn không trả cho chị T số tiền

vay còn nợ. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phú buộc chị D phải trả cho chị T số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Chị D yêu cầu được trả mỗi tháng số tiền 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ thì chị T không đồng ý.

Đối với chồng chị D là anh A lúc chị T cho vay tiền không biết nên chị không yêu cầu anh A phải có trách nhiệm liên đới cùng chị D phải trả số tiền vay còn nợ và chị đề nghị Tòa án không đưa anh A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị D trình bày ý kiến như sau:

Vào ngày 18/6/2019 chị D có vay của chị T số tiền 50.000.000 đồng, với mục đích là để đáo hạn ngân hàng, hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả hết cho chị T số tiền còn nợ, chị D thừa nhận chữ ký và ghi rõ họ tên bên vay chị D trong “giấy vay tiền đáo hạn ngân hàng” đề ngày 18/6/2019 là của chị D. Đến hạn trả nợ chị D có xin chị T sẽ trả mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng nhưng chị T không đồng ý. Hiện nay vì hoàn cảnh khó khăn đang nuôi con nhỏ nên chị D chưa trả được cho chị T số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng, chị D yêu cầu được trả mỗi tháng cho chị T số tiền 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của chị T (bản sao); Đơn xin xác nhận hộ khẩu thường trú của chị D (bản chính); Giấy vay tiền đáo hạn ngân hàng ngày 18/6/2019 có chữ ký và ghi rõ họ tên chị D (bản chính), bản tự khai (bản chính).

- Bị đơn đã giao nộp tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai ngày 30/3/2020 của chị D (bản chính).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T buộc chị D phải trả cho chị T số tiền vay là 50.000.000 đồng theo giấy vay tiền ghi ngày 18/6/2019. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

+ Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Ngày 16/12/2019, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú nhận đơn khởi kiện của chị T đối với chị D có địa chỉ cư trú: Khu 8, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[2]. Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự:

Chị T khởi kiện yêu cầu chị D trả số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Căn cứ theo khoản 3, Điều 26, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và xác định chị T là nguyên đơn, chị D là bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị T khởi kiện yêu cầu chị D phải trả cho chị T số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Xét thấy: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “giấy vay tiền đáo hạn ngân hàng” đề ngày 18/6/2019 có chữ ký của chị D nội dung thể hiện chị D có vay của chị T số tiền 50.000.000 đồng; mặt khác tại bản tự khai ngày 30/3/2020 và tại phiên tòa chị D thừa nhận “vào ngày 18/6/2019 tôi có mượn của chị T số tiền 50.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, tôi có hẹn 01 tháng sau sẽ trả cho chị T số tiền còn nợ, nhưng hiện nay không có khả năng trả cho chị T số tiền 50.000.000 đồng”, chị D thừa nhận chữ ký và ghi rõ họ tên bên vay Huỳnh Ánh Thùy D trong “giấy vay tiền đáo hạn ngân hàng” đề ngày 18/6/2019 là của chị D.

Như vậy, giữa chị T và chị D có sự xác lập giao dịch vay mượn tiền với nhau là hoàn toàn có thật, các bên đã thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Khi đến hạn trả nợ chị D không trả tiền cho chị T mặc dù chị T có yêu cầu nhiều lần, là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết. Xét yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về phương thức thanh toán nợ: Chị D yêu cầu mỗi tháng được trả số tiền 500.000 đồng cho chị T đến khi hết số tiền còn nợ nhưng chị T không đồng ý theo yêu cầu của chị D nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị D.

Đối với anh A là chồng chị D, khi chị D mượn tiền của chị T, anh A không biết và chị T không yêu cầu anh A phải có trách nhiệm liên đới cùng chị D trả cho chị T số tiền 50.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc anh A phải có trách nhiệm liên đới cùng chị D trả tiền cho chị T và không đưa anh A tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Căn cứ các điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39, 95, 147, 235, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của chị T đối với chị D.

Buộc chị D phải có trách nhiệm trả cho chị T số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (50.000.000 đồng x 5%).

Hoàn trả lại cho chị T 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 005734 ngày 30/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thịnh